VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88/2025/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 31/2024/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 14996/TTr-STC ngày 25 tháng 11 năm 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố gồm:

a) Cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan);

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (sau đây gọi là tổ chức);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Đối tượng sử dụng, số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá xe ô tô chuyên dùng.

a) Mức giá tối đa mua xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Giá mua xe là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá *(nếu có)*; chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế *(nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng)* thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức;

b) Khi thực hiện mua sắm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, kết cấu có liên quan và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định pháp luật về đấu thầu, đảm bảo giá mua không vượt quá mức giá tối đa do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị trực thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã có trách nhiệm:

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức ban hành theo Quyết định này và theo quy định của pháp luật liên quan;

b) Thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Báo cáo kết quả sắp xếp lại, xử lý xe ô tô gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm 2025;

c) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

Quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng; Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ quản lý về xe ô tô theo quy định của pháp luật.

Chủ động bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ chính sách cho các lái xe ô tô theo quy định; phối hợp Sở Nội vụ để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện;

d) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc kiến nghị đề xuất, kịp thời phản ánh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này;

b) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc bố trí, sắp xếp công việc, giải quyết chế độ, chính sách cho lái xe và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan khi các xe ô tô được sắp xếp, xử lý theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

4. Kho bạc Nhà nước Khu vực I có trách nhiệm thực hiện kiểm soát chi đối với các nội dung liên quan đến mua sắm, sửa chữa, thanh lý và các hình thức xử lý khác đối với xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật và tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Đại Thắng

Phụ lục I

Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
I	**Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế**			
1	Bệnh viện	Xe cứu thương *(đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)*	+ Dưới 50 giường bệnh: 01 xe. + Từ 50 giường bệnh đến dưới 100 giường bệnh: 02 xe. + Từ 100 giường bệnh đến dưới 200 giường: 03 xe. + Từ 200 giường bệnh đến dưới 300 giường: 04 xe. + Từ 300 giường bệnh trở lên, nếu tăng thêm 150 giường bệnh thì định mức được thêm 01 xe.	
2	Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố *(Sở Y tế)*	Xe cứu thương *(đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)* hoặc xe cứu thương có kết cấu đặc biệt	50 xe	
3	Trạm y tế phường, xã	Xe cứu thương *(đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)* hoặc xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe bán tải vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế)*	01 xe/đơn vị	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố *(Sở Y tế)*	Xe cứu thương *(đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)* hoặc Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyển người bệnh)*	04 xe	
		Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe bán tải chở máy phun và hóa chất lưu động)*	03 xe	
5	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn *(Sở Y tế)*	Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gầm cao phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý)*	01 xe	Ngoài số xe trang bị tại mục I.1
6	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm *(Sở Y tế)*	Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế *(Xe xét nghiệm, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm lưu động)*	05 xe	
		Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe bán tải vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế)*	01 xe	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
7	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Sở Y tế *(Chi cục Dân số trẻ em và Phòng chống tệ nạn xã hội; Trung tâm Giám định y khoa; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội; Trung tâm Pháp y Hà Nội, Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo vệ trẻ em Hà Nội, Trung tâm Nuôi dưỡi trẻ khuyết tật Hà Nội)*	Xe cứu thương *(đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế) hoặc* Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe bán tải hoặc xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, vận chuyển người bệnh, giám định pháp y, vận chuyển tử thi, gắn mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, các thiết bị và phương tiện giảng dạy, giáo cụ trực quan)*	01 xe/cơ quan, đơn vị	
8	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế *(Các Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Chăm sóc người khuyết tật Hà Nội; Các Trung tâm chăm sóc và Phục hồi chức năng người tâm thần)*; Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nội vụ *(Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin Hà Nội; Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công, Trung tâm Điều dưỡng người có công)*	Xe cứu thương *(đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế)* hoặc Xe ô tô chuyên dùng có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế *(Xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyển bữa ăn cho bệnh nhân tâm thần, vận chuyển người bệnh, vận chuyển dụng cụ, vật tư, thiết bị y tế chuyên dùng)*	01 xe/đơn vị	
9	Trung tâm Pháp y Hà Nội *(Sở Y tế)*	Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực y tế *(Xe phẫu thuật lưu động)*	01 xe	Ngoài số xe trang bị tại mục I.7
II	**Nhóm xe ô tô có kết cấu đặc biệt**			
1	Trung tâm phát triển quỹ đất *(Sở Nông nghiệp và Môi trường)*	Xe chở tiền	01 xe	
2	Sở Xây dựng	Xe tải gắn cần cẩu	09 xe	
		Xe cứu hộ giao thông	05 xe	
3	Ban Quản lý các dự án và khai thác hạ tầng *(Ban Quản lý Các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp Thành phố)*	Xe quét hút bụi đường	01 xe	
		Xe cần cẩu	01 xe	
		Xe phun nước rửa đường	01 xe	
		Xe cuốn ép rác, chở rác	01 xe	
		Xe chữa cháy	03 xe	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
III	**Nhóm xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng *(thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe)* hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật**			
1	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội *(Sở Nội vụ)*	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết hoặc gắn thiết bị chuyên dùng *(Xe phục vụ tang lễ)*	Tối đa 130 xe	
	Trong đó:	*Xe tang*	*63 xe*	
		Xe từ 16 chỗ ngồi trở lên	*53 xe*	
		Xe chở cốt, xe tải lạnh bảo quản thi hài, xe gắn tượng Phật, xe chở hoa phục vụ tang lễ	*14 xe*	
2	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội *(Sở Giáo dục và Đào tạo)*	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết *(Xe tập lái)*	Tối đa 35 xe	
3	Sở Xây dựng *(cơ quan thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố)*	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng *(Xe 5-16 chỗ ngồi gắn loa lưu động tuyên truyền an toàn giao thông)*	01 xe	Việc trang bị chỉ được thực hiện khi cơ quan được phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với chủng loại xe này.
4	Sở Khoa học và Công nghệ *(cơ quan Văn phòng Sở)*	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng	Tối đa 03 xe (01 xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gầm cao phục vụ thông tin, truyền thông; 02 xe 9-16 chỗ ngồi phục vụ kiểm tra kiểm định đo lường chất lượng)	Việc trang bị chỉ được thực hiện khi cơ quan được phê duyệt tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với chủng loại xe này.
5	Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	Xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết *(Xe chuyên dùng phục vụ công tác phát thanh truyền hình)*	Tối đa 32 xe	
	Trong đó:	*Xe 5-16 chỗ ngồi*	*27 xe*	
		Xe trên 16 chỗ ngồi	*01 xe*	

		Xe thu phát tín hiệu, truyền hình lưu động	*04 xe*	
Stt	**Đối tượng sử dụng**	**Chủng loại xe**	**Số lượng xe (tối đa)**	**Ghi chú**
1	***2***	***3***	***4***	***5***
6	Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường *(Sở Nông nghiệp và Môi trường)*	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng *(Xe 12-16 chỗ ngồi hoặc Xe tải, xe bán tải gắn thiết bị phục vụ quan trắc môi trường)*	02 xe	Việc trang bị chỉ được thực hiện khi cơ quan được phê duyệt tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với chủng loại xe này.
IV	**Nhóm xe tải**			
1	Các đơn vị sự nghiệp có chức năng biểu diễn nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao	Xe tải	01 xe/đơn vị	
2	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao *(Sở Văn hóa và Thể thao).*	Xe tải	01 xe	
3	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ *(Sở Khoa học và Công nghệ)*	Xe tải	01 xe	
V	**Nhóm xe ô tô trên 16 chỗ ngồi**			
1	Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công, Trung tâm Điều dưỡng người có công *(Sở Nội vụ)*	Xe trên 16 chỗ ngồi	02 xe/đơn vị	
2	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế *(Chi cục Dân số trẻ em và Phòng chống tệ nạn xã hội; các Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Chăm sóc Người khuyết tật Hà Nội; Làng trẻ em Birla Hà Nội; Trung tâm Phục hồi chức năng Việt Hàn; Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội; Trung Tâm Công tác Xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em Hà Nội; Làng trẻ em SOS Hà Nội);* Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nội vụ *(Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; Trung tâm Dịch vụ Việc làm Hà Nội);* Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo *(Các trường Trung cấp, Trung cấp nghề (không bao gồm Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội), Trường PTDL Herman Gmeiner)*	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	

Stt	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*
3	Các đơn vị sự nghiệp có chức năng biểu diễn nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao; Trung tâm Văn hóa và Thư viện Thành phố *(Sở Văn hóa và Thể thao)*	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo *(cơ quan Văn phòng Sở)*	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
5	Trường phổ thông sơ cở Nguyễn Đình Chiểu *(Sở Giáo dục và Đào tạo)*	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
6	Các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
7	Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp Thành phố	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ phát triển phụ nữ Hà Nội *(Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội)*	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	

Phụ lục II

Mức giá tối đa mua xe ô tô chuyên dùng

(Kèm theo Quyết định số 88/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Chủng loại xe	Mức giá tối đa
1	*2*	*3*
1	Xe cứu thương (không bao gồm xe cứu thương có kết cấu đặc biệt)	1.200 triệu đồng/xe
2	Xe chở tiền	1.600 triệu đồng/xe
3	Xe chở cốt, Xe gắn tượng Phật phục vụ tang lễ	1.600 triệu đồng/xe.
4	Xe bán tải	950 triệu đồng/xe
5	Xe tải đến 1 tấn	500 triệu đồng/ xe
6	Xe tải trên 1 tấn đến 1,5 tấn	600 triệu đồng/xe
7	Xe tải trên 1,5 tấn đến 2,5 tấn	650 triệu đồng/xe
8	Xe tải trên 2,5 đến 3,5 tấn	900 triệu đồng/xe
9	Xe tải trên 3,5 tấn; Xe tải lạnh bảo quản thi hài	1.100 triệu đồng/xe
10	Xe 4 - 5 hoặc 7 - 8 chỗ ngồi 01 cầu	950 triệu đồng/xe
11	Xe 7 - 8 chỗ ngồi 02 cầu	1.600 triệu đồng/xe
12	Xe 9 - 16 chỗ ngồi	1.300 triệu đồng/xe
13	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi	1.600 triệu đồng/xe
14	Xe trên 24 đến 30 chỗ ngồi	1.800 triệu đồng/xe
15	Xe trên 30 chỗ ngồi	2.500 triệu đồng/xe
16	Xe xét nghiệm, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm lưu động; Xe cứu thương có kết cấu đặc biệt; Xe phẫu thuật lưu động; Xe thu phát tín hiệu, truyền hình lưu động; Xe tang; Xe quét hút bụi đường; Xe cần cẩu; Xe phun nước rửa đường; Xe cuốn ép rác, chở rác; Xe chữa cháy; Xe thang; Xe tải gắn cần cẩu; Xe cứu hộ giao thông; Xe chuyên dùng khác.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định giá mua xe tại thời điểm mua sắm